

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MAI SƠN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33/2020/QĐST-HNGĐ

*Mai Sơn, ngày 19 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản TT, xã CB, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: Bản TT, xã CB, huyện MS, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Bản TL, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Hoàng Văn P và chị Hà Thị T

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

a. Về tình cảm: Anh Hoàng Văn P và chị Hà Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

**b. Về con chung:**

Anh P, chị T có 02 con chung là cháu Hoàng Nhật H sinh ngày 24/02/2013 và cháu Hoàng Thị Băng N sinh ngày 21/6/2017. Giao cháu Hoàng Nhật H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác. Giao cháu Hoàng Thị Băng N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác.

Anh P, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh P, chị T được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh P, chị T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:** Anh P, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tại thời điểm ly hôn.

**d. Về án phí:** Anh P nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004138 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Anh P được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CB;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nông Văn Thịnh**

